TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2026/LĐ-PT
Ngày: 27.01.2026
V/v: "Tranh chấp tiền phụ cấp lao động"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Phương Thanh

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Minh Trang

Bà Trần Thị Thanh Giang

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Thông – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: bà Nguyễn Ngọc Chúc – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 và 27 tháng 01 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 09/2025/TLPT-LĐ ngày 17 tháng 11 năm 2025 về việc "Tranh chấp tiền phụ cấp lao động".

Do bản án lao động sơ thẩm số 01/2025/LĐ-ST ngày 15/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 13 – Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 877/2025/QĐ-PT ngày 02 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn*: Ông **Ngô Phúc H**, sinh năm 1949.

Địa chỉ: Số B, L, phường N, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

- *Bị đơn*: **Công ty Cổ phần F**

Trụ sở: Số H, quốc lộ F, ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp: bà Hồ Thị N, sinh năm: 1987. Địa chỉ: 6 Chung cư T, phường T, thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

-*Người kháng cáo:* Công ty Cổ phần F - Mêkong là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Phúc H1 trình bày nội dung và yêu cầu khởi kiện như sau: Khi thành lập

Công ty Cổ phần F (gọi tắt là Công ty) thì họp Đại hội cổ đông phân công từng cổ đông sáng lập giữ nhiệm vụ điều hành công ty. Căn cứ biên bản Đại hội cổ đông sáng lập công ty ngày 01/11/2011 (kèm bản photo biên bản họp ghi tài liệu 01) đã phân công chức danh của các cổ đông trong công ty, gồm:

+ Ông Trịnh Quốc T, cổ đông sáng lập, thành viên Hội đồng quản trị, chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty, đại diện pháp nhân Công ty.

+ Ông Koh Ko T1 (quốc tịch Malaysia, đại diện cho Công ty N1), cổ đông sáng lập, thành viên Hội đồng quản trị, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.

+ Ông Ngô Phúc H (đại diện cho Công ty Cổ phần F), cổ đông sáng lập, thành viên Hội đồng quản trị, chức vụ: Trưởng ban kiểm soát tài chính công ty.

Đại hội cổ đông giao quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định đầu tư xây dựng, chỉ đạo Tổng Giám đốc điều hành công ty theo Luật doanh nghiệp 2005. Trong điều hành hoạt động của công ty, Hội đồng quản trị họp đã thông qua chương trình hoạt động. Trong đó thông qua tổ chức bộ máy hoạt động, đồng thời quyết định lương, phụ cấp và sinh hoạt phí cho các chức danh như sau: ông Trịnh Quốc T, chức vụ Tổng Giám đốc, lương 10.000.000 đồng/tháng và ông (Ngô Phúc H), chức vụ Trưởng ban kiểm soát tài chính, lương 15.000.000 đồng/tháng (kèm quyết định ghi tài liệu 03).

Đến ngày 16/01/2013, trong hợp đồng khung (kèm bản sao ghi tài liệu 02), ông vẫn là Trưởng ban kiểm soát tài chính và việc trả phụ cấp đều đặn. Đến tháng 02/2014, khi yêu cầu trả phụ cấp thì Tổng Giám đốc xác nhận còn nợ đến tháng 02/2014 (ghi tài liệu 04) bảo chờ Chủ tịch Hội đồng quản trị sang Việt Nam họp việc của công ty rồi sẽ giải quyết. Đến cuộc họp tháng 02/2014, khi làm việc xong trong Hội đồng quản trị, tôi đề nghị trả tiền sinh hoạt phí theo Quyết định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc hứa sau cuộc họp sẽ trả phụ cấp không thiếu đồng nào. Ông tin và ra về (họp tại Công ty Kế toán - Kiểm toán CPA-CAAC tại Thành phố Hồ Chí Minh) nhưng sau đó ông Tổng Giám Đ không trả tiền như đã hứa, dù đã nhắc nhiều lần trong năm 2015-2016 và đến hôm nay 2024 vẫn không giải quyết (kèm tin nhắn ghi tài liệu 05). Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bị đơn Công ty trả tổng số tiền là 2.469.333.333 đồng, bao gồm:

+ Khoản nợ cũ đến tháng 02/2014 là 164.000.000 đồng, tiền lãi chậm trả tính đến ngày 31/12/2024 là 353.333.333 đồng, tổng cộng số tiền là 519.333.333đồng.

+ Khoản nợ tính từ tháng 03/2014 đến ngày 31/12/2024 là 1.950.000.000 đồng. Đồng thời, đề nghị công ty tiếp tục trả lãi theo Luật Lao động cho đến khi thi hành án xong.

Đối với hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Công ty trình bày thì ông có ký nhưng đây là hợp đồng có điều kiện, căn cứ trên Hợp đồng khung, khi chuyển nhượng phải kèm điều kiện quyết toán công trình Hoa viên nghĩa trang và chia lãi cho cổ đông 03 năm liên tiếp sau đó nên ông cũng đang khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang (cũ) để yêu cầu huỷ bỏ Hợp đồng khung này; đối với các cuộc họp Đại hội cổ đông và thủ tục tiến hành bãi nhiệm chức vụ của ông tại Công ty là không đúng quy định Luật Doanh nghiệp, ông cũng không được thông báo hay nhận được các quyết định này; về nợ lương lao động thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện theo Luật Dân sự và Luật Lao động.

* Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông H, bị đơn Công ty có ý kiến như sau:

+Thứ nhất, đơn khởi kiện của nguyên đơn làm chưa đúng mẫu quy định.

+Thứ hai, đối với yêu cầu trả tiền sinh hoạt phí đến tháng 02/2014 là 164.000.000 đồng, tiền lãi chậm trả tính đến ngày 31/12/2024 là 353.333.333 đồng, tổng cộng số tiền là 519.333.333 đồng. Yêu cầu này đã hết thời hiệu khởi kiện và công ty yêu cầu áp dụng quy định về thời hiệu và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này. Do ngày 01/8/2018, ông H đã khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang (cũ). Sau đó Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang (cũ) đã có Thông báo chuyển đơn khởi kiện cho Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp (cũ) để giải quyết theo thẩm quyền. Đến ngày 11/11/2024, ông H mới tiếp tục nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp (cũ). Như vậy, việc ông H không được trả tiền sinh hoạt phí đến tháng 02/2014 nhưng đến ngày 11/11/2024 ông H mới khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết là đã quá thời hiệu khởi kiện.

+Thứ ba, đối với yêu cầu trả sinh hoạt phí 15.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 03/2014 đến ngày 31/12/2024 là 1.950.000.000 đồng, Công ty không đồng ý, vì những căn cứ sau:

- Theo Biên bản của Đại Hội đồng cổ đông ngày 01/11/2011 của Công ty thì ông H là người đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ phần F, giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị kiêm Trưởng Ban kiểm soát của Công ty F. Tuy nhiên, theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 21/01/2013, ông H đã đại diện Công ty Cổ phần F chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần mà Công ty Cổ phần F sở hữu là

1.470.000 (Một triệu bốn trăm bảy mươi ngàn) cổ phần của Công ty, trị giá 14.700.000.000 đồng (Mười bốn tỷ bảy trăm triệu đồng), tương ứng với 15% vốn điều lệ Công ty cho ông Trịnh Quốc T với giá chuyển nhượng là 12.504.000.000 đồng (Mười hay tỷ năm trăm lẻ bốn triệu đồng). Sau đó, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh H cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thay đổi lần 2 ngày 01/02/2013, theo đó đã ghi nhận ông Trịnh Quốc T là chủ sở hữu 15% vốn điều lệ đã nhận chuyển nhượng số cổ phần nêu trên từ Công ty Cổ phần F. Do vậy, ông H không còn là cổ đông của Công ty kể từ thời điểm chuyển nhượng.

- Ngày 01/02/2013, Công ty đã tổ chức cuộc họp Đại Hội đồng cổ đông theo Biên bản họp Đại Hội đồng cổ đông số 01/2013/BB-MK, theo đó thống nhất biểu quyết tán thành bãi nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị đối với ông H và căn cứ theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 08/NQ-MK ngày 01/02/2013 của Công ty cũng đã thông qua việc bãi nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị đối với ông H kể từ ngày 01/02/2013.

- Căn cứ theo Biên bản họp Đại Hội đồng cổ đông số 02/2013/BB-MK ngày 02/02/2013 của Công ty đã thống nhất biểu quyết tán thành bãi nhiệm chức danh thành viên Ban kiểm soát của Công ty đối với ông H và theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 09/NQ-MK ngày 02/02/2013 đã thông qua việc bãi nhiệm chức danh thành viên Ban kiểm soát đối với ông H kể từ ngày 02/02/2013.

- Theo Quyết định số 001/2014/QĐMN ngày 15/02/2014 của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị đã có quyết định miễn nhiệm chức vụ Trưởng ban giám sát tài chính Công ty đối với ông H kể từ ngày 15/02/2014. Đồng thời, mức lương và sinh hoạt phí là 15.000.000 đồng/tháng ông H chỉ được hưởng đến tháng 02 năm 2014. Do vậy, ông H không còn giữ chức vụ nào tại Công ty kể từ tháng 02/2014 nên việc ông H khởi kiện đòi khoản tiền sinh hoạt phí từ tháng 03/2014 đến ngày 31/12/2024 là 1.950.000.000 đồng là không có cơ sở. Căn cứ cho lời trình bày của công ty là Biên bản của Đại Hội đồng cổ đông ngày 01/11/2011 của Công ty; Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 21/01/2013; Biên bản họp Đại Hội đồng cổ đông số 01/2013/BB-MK ngày 01/02/2013; Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 08/NQ-MK ngày 01/02/2013; Biên bản họp Đại Hội đồng cổ đông số 02/2013/BB-MK ngày 02/02/2013; Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 09/NQ-MK ngày 02/02/2013; Quyết định số 001/2014/QĐMN ngày 15/02/2014 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty; Thông báo số 02/TB-TA ngày 04/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang (cũ). Chủ thể ký hợp đồng khung là những

người không có thẩm quyền ký cho ông H giữ chức vụ Trưởng ban kiểm soát tài chính nên việc hợp đồng này ông H vẫn còn giữ chức vụ trên là không phù hợp pháp luật về doanh nghiệp.

* Vụ việc hòa giải không thành nên được đưa ra xét xử sơ thẩm không khai. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 01/2025/LĐ-ST ngày 15/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 13 – Cần Thơ đã xét xử và quyết định như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Phúc H.

1.1. Buộc Công ty Cổ phần F có trách nhiệm trả lại cho ông Ngô Phúc H số tiền 2.244.675.200đồng. Trong đó: khoản nợ cũ là 164.000.000đồng. Lãi chậm trả là 130.675.200đồng; Tiền lương từ tháng 02/2014 đến 31/12/2024 là 1.950.000.000đồng (Một tỷ chín trăm năm mươi triệu đồng).

1.2. Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn chậm trả số tiền nêu trên thì hàng tháng bị đơn phải chịu lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2. Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 20/8/2025, bị đơn Công ty kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông H.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn tuy vắng mặt nhưng trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm có nhiều ý kiến gửi cho Tòa án xác định việc bị đơn Công ty miễn nhiệm nguyên đơn là không đúng quy định, thời điểm miễn nhiệm thì ông Chủ tịch không có ở Việt Nam nên việc họp miễn nhiệm là không có thật. Việc ông không thực hiện kiểm soát được là do Công ty không gửi hồ sơ cho ông thực hiện, ông có nhiều lần yêu cầu Công ty gửi hồ sơ để ông thực hiện nhiệm kiểm soát nhưng Công ty không phản hồi.

- Bị đơn đồng ý trả cho ông H tiền phụ cấp còn chưa thanh toán đến tháng 02/2014 là 164.000.000đồng và lãi theo như án sơ thẩm, tuy nhiên trong đó có số tiền của ông Bửu L 73.250.000đồng và kế toán 17.500.000đồng, phần ông H chỉ 75.000.000đồng, sau khi trừ thuế thì còn 73.250.000đồng. Công ty vẫn thống nhất trả cho ông L và kế toán thông qua ông H. Đối với số tiền 1.950.000.000đồng thì Công ty giữ nguyên kháng cáo không đồng ý trả vì ông H đã bị miễn nhiệm và việc miễn nhiệm là đúng theo quy định, không cần có mặt ông H vì ông H không còn là cổ đông Công ty, đại hội đồng cổ đông có quyền bãi miễn nhiệm chức danh

Trưởng ban kiểm soát của ông H là phù hợp với các quy định của Luật Doanh nghiệp 2005.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn nộp đơn kháng cáo và nộp tạm ứng án phí trong thời gian luật định nên xem xét hợp lệ về mặt hình thức.

Về nội dung kháng cáo: Qua tranh tụng tại phiên tòa cùng với các chứng cứ có trong hồ sơ, có cơ sở xác định: việc Công ty miễn nhiệm ông H là đúng quy định Luật Doanh nghiệp nên việc ông H yêu cầu công trả tiền phí từ tháng 02/2014 đến 31/12/2024 là không có căn cứ nên việc kháng cáo của bị đơn Công ty là có cơ sở chấp nhận. Đối với ý kiến bị đơn đồng ý trả 164.000.000đồng là tiền phí từ tháng 02/2014 còn chưa thanh toán, trong đó có phần của ông L và kế toán nên ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về việc vắng mặt đương sự: Nguyên đơn ông H đã được triệu tập đến lần thứ hai nhưng ông đều xin hoãn là không có căn cứ chấp nhận nên tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định pháp luật.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn ông H khởi kiện bị đơn Công ty trả khoản tiền sinh hoạt phí cho chức vụ Trưởng ban kiểm soát của ông trong Công ty, do đó, quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp tiền phụ cấp lao động được quy định tại khoản 5 Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Thủ tục hòa giải trước khi Tòa án thụ lý: Ngày 15/01/2025, Phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện P (cũ) có văn bản chuyển hồ sơ cho Tòa án giải quyết do phía ông H không đồng ý thương lượng, do đó, được xác định hòa giải không thành nên đảm bảo thủ tục theo quy định tại Điều 188 Bộ luật Lao động.

[1.4] Về thời hiệu khởi kiện: Kể từ tháng 02/2014 phía công ty không trả tiền sinh hoạt phí cho ông H, kể từ ngày quyền lợi bị xâm phạm năm 2014 đến trước ngày ông H khởi kiện ông đã có rất nhiều văn bản gởi đến Công ty đề nghị thương lượng giải quyết tranh chấp nhưng không thành đến 11/11/2018 ông khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp cũ. Ông H đã liên tục yêu cầu Công ty trả tiền bằng các văn bản yêu cầu thanh toán và yêu cầu báo cáo tài chính nhưng Công ty vẫn không thực hiện. Đồng thời, ông H đã khởi kiện tại các cấp Tòa án

như Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang (cũ) được chuyển đơn theo thẩm quyền tại Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp (cũ) và sau đó được Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp (cũ) thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền. Từ đó, cho thấy việc khởi kiện của ông H để đòi lại số tiền phụ cấp mà Công ty còn nợ là liên tục và kéo dài. Vì vậy, đối với tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn không áp dụng thời hiệu khởi kiện theo Điều 155 của Bộ luật dân sự. Do đó, yêu cầu áp dụng thời hiệu của bị đơn không được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận là đúng.

[2] Về yêu cầu kháng cáo của bị đơn:

[2.1] Qua tranh tụng tại phiên tòa cũng như xem xét toàn diện các chứng cứ có trong hồ sơ, có cơ sở xác định: Công ty được thành lập và được cấp giấy chứng nhận đầu tư ngày 04/11/2011, theo đó, các cổ đông sáng lập gồm 05 cổ đông, ông Hiện đại D cho Công ty Cổ phần F là một trong những cổ đông với tỷ lệ vốn 15% (tương đương 1.470.000 cổ phần = 14.700.000.000đồng). Ngày 01/11/2011 Đại hội đồng cổ đông Công ty H2 đã bổ nhiệm ông H giữ chức danh thành viên Hội đồng quản trị và Trưởng ban kiểm soát. Ngày 01/02/2012 Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty ông Koh Ko T1 ký quyết định về mức sinh hoạt phí cấp cho ông H 15.000.000đồng/tháng. Ngày 01/02/2013 và 02/02/2013 Đại Hội đồng cổ đông Công ty đã họp miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị và Trưởng ban kiểm soát đối với ông H. Thấy rằng, khi thành lập Công ty năm 2011 thì phía ông Hiện đại D cho Công ty Cổ phần F là một trong những cổ đông của Công ty, do đó, tất nhiên ông H là thành viên Hội đồng quản trị và được Đại hội đồng cổ đông Công ty họp bổ nhiệm là Trưởng ban kiểm soát. Ngày 16/01/2013 thì ông Hiện đại D cho Công ty Cổ phần F đã chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần cho ông Trịnh Quốc T, tiền chuyển nhượng sẽ được cấn trừ vào số tiền mà ông H đã vay của Công ty N2.Bhd 600.000USD. Việc chuyển nhượng cổ phần được các bên lập hợp đồng, các bên thừa nhận, do đó, có hiệu lực đối với các bên. Sau khi chuyển nhượng thì phía Công ty đã đăng ký với cơ quan có thẩm quyền thay đổi cổ đông và được cấp giấy chứng nhận ngày 01/02/2013, khi đó các cổ đông sáng lập được thay đổi, Công ty Cổ phần F không còn cổ đông của Công ty. Phía ông H cho rằng việc họp miễn nhiệm các chức danh của ông mà không mời ông là vi phạm, không đúng trình tự thủ tục, thấy rằng, theo quy định tại Điều 101 Luật Doanh nghiệp và Điều 35 Điều lệ Công ty quy định thì quyền dự họp phải là cổ đông của Công ty. Thời điểm họp thì Công ty Cổ phần F đã không còn là cổ đông Công ty, vì vậy, đại hội đồng cổ đông Công ty họp ngày 01/02/2013 và 02/02/2013 đã họp miễn nhiệm

chức danh thành viên Hội đồng quản trị và Trưởng ban kiểm soát đối với ông H mà không cần phải có mặt ông H là phù hợp quy định tại Điều 115, khoản 2 Điều 127 Luật Doanh Nghiệp 2005 và điểm c Điều 26 và Điều 35 của Điều lệ công ty.

[2.2] Trên cơ sở họp đại hội đồng cổ đông thì Công ty ra Nghị quyết số 09/NQ-MK ngày 02/02/2013 thông qua việc bãi nhiệm chức danh thành viên ban kiểm soát của ông H, ngày 15/02/2014 Công ty ra Quyết định số 001/2014/QĐMN về việc miễn nhiệm ông H thôi giữ chức vụ Trưởng ban giám sát tài chánh kể từ ngày 15/02/2014 là phù hợp. Việc miễn nhiệm tuy không trao quyết định cho ông H nhưng thấy rằng ông H có nhiều văn bản về việc yêu cầu Công ty trả tiền nên ông H biết rằng mình không còn là Trưởng ban kiểm soát, đồng thời phía ông Hiện đại D cho Công ty Cổ phần F đã ký chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của Công ty Cổ phần F cho ông Trịnh Quốc T nên cũng không còn quyền lợi gì trong Công ty và việc ngừng trả sinh hoạt phí cho ông H từ tháng 02/2014 là cũng đảm bảo quyền lợi cho ông H trong khi việc chuyển nhượng cổ phần đã thực hiện từ tháng 01/2013 và điều này cũng nhằm đảm bảo sự công bằng trong lao động. Mặt khác, Quyết định của đại hội đồng cổ đông vẫn có hiệu lực ngay khi thủ tục, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định tại khoản 4 Điều 104 Luật Doanh nghiệp 2005.

[2.3] Đối với ý kiến ông H cho rằng, thực chất theo Hợp đồng khung được ký ngày 16/01/2013 thì ông vẫn được làm Trưởng ban kiểm soát cho dù có chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần F trong Công ty, với ý kiến này thấy rằng, tuy có quy định nhưng không quy định thời gian cho ông H giữ chức này đến thời gian khi nào, thực tế ngày ký chuyển nhượng cổ phần 16/01/2013 nhưng đến 02/2014 mới miễn nhiệm. Và chức vụ Trưởng ban kiểm soát vẫn nằm trong quyền hạn quyết định của Đại Hội đồng cổ đông là cơ quan cao nhất trong Công ty Cổ phần. Do dó, yêu cầu của ông H buộc Công ty trả khoản tiền phí từ tháng 02/2014 đến 31/12/2024 như cấp sơ thẩm quyết định là không có căn cứ chấp nhận. Kháng cáo của Công ty là có cơ sở chấp nhận.

[2.4] Cấp sơ thẩm xác định số tiền Công ty phải trả cho ông H đến tháng 02/2014 là 164.000.000đồng là chưa đúng, bởi lẽ theo như chứng từ trong hồ sơ thể hiện thì Công ty đã thanh toán sinh hoạt phí cho ông H đến tháng 9/2013, từ tháng tháng 10/2013 đến tháng 02/2014 (có quyết định miễn nhiệm) là 05 tháng cộng lại chỉ với số tiền 75.000.000đồng, trừ thuế còn 73.250.000đồng, cấp sơ thẩm cộng thêm tiền phí của ông Bửu L (con ông H) 73.250.000đồng, của kế toán

17.500.000đồng thì tổng số 164.000.000đồng trong khi ông L và kế toán không khởi kiện, nhưng tại phiên tòa hôm nay phía Công ty cũng xác nhận rằng, Công ty đã miễn nhiệm chức vụ ông Bửu L và kế toán không còn làm kế toán cho Công ty cũng từ tháng 2/2014 và chưa thanh toán cho hai người này. Và Công ty cũng thống nhất trả cho hai người này đến tháng 02/2014 giao ông H nhận và ông H có nghĩa vụ trả cho hai người này. Với ý kiến này là tự nguyện nên ghi nhận, trường hợp ông H không giao thì những người này có quyền khởi kiện ông H đòi lại số tiền này.

[2.5] Về tiền lãi trên số tiền 164.000.000đồng: đây là tiền phụ cấp đáng lẽ Công ty phải trả cho ông H nhưng chậm trả nên cấp sơ thẩm tính lãi là phù hợp, mặt khác tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn đồng ý nên ghi nhận và giữ nguyên như cấp sơ thẩm quyết định.

[3] Từ những nhận định trên nên đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ, đúng quy định. Cấp sơ thẩm đã đánh giá chứng cứ và quyết định chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng về yêu cầu số tiền 164.000.000đồng và tiền lãi, đối với số tiền 1.950.000.000đồng là không đúng nên sửa lại theo hướng nhận định trên.

[4] Về án phí:

[5.1] Lao động sơ thẩm: Công ty phải chịu trên số tiền trả cho ông H.

[5.2] Lao động phúc thẩm: ông H thuộc trường hợp được miễn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ: - Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 97, 188 Bộ luật Lao động năm 2019;

- Điều 101, Điều 104, Điều 115, khoản 2 Điều 127 Luật Doanh nghiệp 2005;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử: - Chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

- Sửa một phần Bản án lao động sơ thẩm số 01/2025/LĐ-ST ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 13 – Cần Thơ.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Phúc H. Buộc Công ty Cổ phần F có nghĩa vụ trả lại cho ông Ngô Phúc H số tiền sinh hoạt

phí là 164.000.000đồng và lãi chậm trả là 130.675.200đồng. Tổng cộng 294.675.200đồng.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn chậm trả số tiền nêu trên thì hàng tháng bị đơn phải chịu lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2. Về án phí

2.1. Sơ thẩm:

- Nguyên đơn ông H không phải chịu. Không có thu.
- Công ty Cổ phần F phải chịu 8.840.256đồng.

2.2. Phúc thẩm: Nguyên đơn được miễn, không có thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, 7b và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- TAND khu vực 13-Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Phòng THADS khu vực 13-Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Hà Thị Phương Thanh